

Số: /KH-SGDĐT

Kon Tum, ngày tháng năm

## KẾ HOẠCH

### **Thực hiện giai đoạn 2021-2025 đối với Đề án Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Đề án Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Đề án);

Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 đối với Đề án Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Kế hoạch), cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Triển khai thực hiện đúng lộ trình và hiệu quả Đề án Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

#### **2. Yêu cầu**

- Các địa phương, đơn vị xác định các chỉ tiêu cần đạt được, những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện để triển khai đồng bộ, phù hợp; tích hợp thực hiện mục tiêu về giáo dục và đào tạo của Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” (ban hành theo Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum).

- Phát triển đội ngũ giáo viên phải gắn liền với bố trí, sử dụng và phát huy có hiệu quả nhân tố con người trong quá trình phát triển của địa phương, đơn vị.

### **II. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ, giỏi chuyên môn nghiệp vụ, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, tâm huyết, chủ động, sáng tạo, đủ năng lực tạo ra những chuyên biên tích cực, tiến bộ về chất lượng giáo dục trong điều kiện hội nhập sâu rộng giai đoạn 2021 - 2030.

## **2. Mục tiêu**

2.1. Đào tạo nâng chuẩn 432 giáo viên theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, trong đó số giáo viên đào tạo từng năm như sau: Năm 2021: 87 giáo viên, năm 2022: 87 giáo viên, năm 2023: 87 giáo viên, năm 2024: 86 giáo viên, năm 2025: 85 giáo viên. Ưu tiên giáo viên công tác tại vùng dân tộc thiểu số đi đào tạo nâng chuẩn trong giai đoạn này<sup>1</sup>.

2.2. Phân đầu có 55% đối với giáo viên cấp mầm non, 3% đối với giáo viên cấp tiểu học và trung học cơ sở, 15% đối với giáo viên cấp trung học phổ thông đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo<sup>2</sup>.

2.3. Đào tạo văn bằng 2 cho 155 giáo viên, trong đó số giáo viên đào tạo từng năm như sau: Năm 2021: 31 giáo viên, năm 2022: 31 giáo viên, năm 2023: 31 giáo viên, năm 2024: 31 giáo viên, năm 2025: 31 giáo viên<sup>3</sup>.

2.4. Đào tạo 185 sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, trong đó số sinh viên đào tạo từng năm như sau: Năm 2021: 31 sinh viên, năm 2022: 40 sinh viên, năm 2023: 39 sinh viên, năm 2024: 38 sinh viên, năm 2025: 37 sinh viên<sup>4</sup>.

2.5. Tuyển dụng giáo viên từ nguồn sinh viên tự do: Các địa phương, đơn vị quyết định chỉ tiêu và việc tuyển dụng giáo viên trong từng năm phù hợp trên cơ sở mục tiêu của Đề án, biên chế được giao và chủ trương thống nhất của cấp có thẩm quyền.

2.6. 100% cán bộ quản lý và giáo viên được bồi dưỡng triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; 100% cán bộ quản lý và giáo viên được bồi dưỡng thường xuyên theo yêu cầu vị trí việc làm, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành bắt buộc hàng năm.

*(Có phân khai chỉ tiêu đào tạo nâng chuẩn, văn bằng 2, sinh viên sư phạm đối với các đơn vị tại Phụ lục 1).*

## **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

---

<sup>1</sup> Đối tượng là cán bộ quản lý và giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đạt chuẩn đào tạo quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 trong độ tuổi phải đào tạo nâng chuẩn theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

Vùng dân tộc thiểu số thực hiện theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025; áp dụng đối với trường có từ 15% học sinh dân tộc thiểu số trở lên.

<sup>2</sup> Theo Kế hoạch số 1677/KH-UBND ngày 25/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” giai đoạn 2021-2025.

<sup>3</sup> Đối tượng là giáo viên đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập được cử đi đào tạo đại học văn bằng 2 nhằm giải quyết sự dôi dư và đáp ứng yêu cầu giảng dạy liên môn theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

<sup>4</sup> Đối tượng là sinh viên sư phạm được đào tạo theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP nhằm đảm bảo chủ động nguồn tuyển đối với các bộ môn ở địa bàn khó thu hút và ổn định đội ngũ giáo viên công tác lâu dài.

### **1. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh về vai trò, tầm quan trọng của phát triển đội ngũ giáo viên trong phát triển nguồn nhân lực của tỉnh**

Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông trong yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; đặc biệt tuyên truyền đến đội ngũ nhà giáo về vai trò và vị trí nghề nghiệp, các yêu cầu trong công tác đổi mới giáo dục và đào tạo nhằm khuyến khích và hình thành ý thức tự học, học tập suốt đời, phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt hơn công việc được giao.

### **2. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về biên chế, tuyển dụng, sử dụng, đánh giá đội ngũ giáo viên**

Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá về số lượng, chất lượng và cơ cấu của đội ngũ giáo viên trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục gắn với sự phát triển về số lượng học sinh, quy mô mạng lưới trường lớp và yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

Tổ chức điều động hợp lý nhằm giải quyết tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên trên địa bàn toàn tỉnh; đồng thời kiến nghị cấp có thẩm quyền bổ sung biên chế giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu dạy học phù hợp với tình hình địa phương. Triển khai kịp thời công tác tuyển dụng viên chức hàng năm, nhằm bố trí đủ số lượng, đảm bảo chất lượng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu dạy học.

Phát huy vai trò trách nhiệm của người đứng đầu về công tác quản lý thực hiện nghiêm túc việc bố trí sử dụng viên chức hiệu quả, việc đánh giá phân loại viên chức hàng năm, trên cơ sở đó có biện pháp bố trí, sắp xếp giáo viên ở các cơ sở giáo dục tinh gọn, hiệu quả, nâng cao năng lực đội ngũ.

### **3. Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

Tiếp tục tham mưu, hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp học theo hướng tinh gọn, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và quy mô phát triển giáo dục của địa phương; trong đó triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình số 53-CTr/TU ngày 21 tháng 02 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Thúc đẩy cơ chế tự chủ ở các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm ưu tiên nguồn lực cho việc hỗ trợ các hoạt động giáo dục trong các trường công lập vùng khó khăn, tạo điều kiện hỗ trợ đội ngũ giáo viên phát huy năng lực.

### **4. Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên và bồi dưỡng triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên**

Chú trọng đào tạo nâng chuẩn, trên chuẩn, văn bằng 2 cho đội ngũ giáo viên; đặt hàng đào tạo sinh viên từ nguồn học sinh, sinh viên tại các địa phương

trong tỉnh, đặc biệt là học sinh người dân tộc thiểu số để tuyển dụng theo địa chỉ, đảm bảo sự ổn định đội ngũ giáo viên công tác lâu dài và chủ động nguồn tuyển đối với các bộ môn và địa bàn khó thu hút. Thực hiện có hiệu quả cơ chế lựa chọn cơ sở đào tạo; xác định hình thức đào tạo; giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đào tạo cho cơ sở đào tạo giáo viên được lựa chọn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên.

Triển khai có hiệu quả chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông theo yêu cầu của vị trí việc làm. Phối hợp với các trường đại học, học viện được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ để bồi dưỡng hiệu quả các mô đun cho cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018;

Phối hợp kịp thời, chặt chẽ với các nhà xuất bản có sách giáo khoa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tổ chức hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa đảm bảo chất lượng, tiến độ, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh, trên địa bàn toàn tỉnh.

### **5. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ và giáo viên phát huy năng lực và sáng tạo**

Triển khai có hiệu quả Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Ưu tiên lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực thông qua chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học, các dự án thuộc vốn ODA, Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các dự án thuộc ngân sách địa phương ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, các thiết chế văn hóa thể dục - thể thao nhằm tạo điều kiện để giáo viên phát huy đội mới sáng tạo.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Kinh phí thực hiện chung**

Tổng kinh phí đào tạo và bồi dưỡng theo Đề án: **134.818** triệu đồng, trong đó:

**1.1. Kinh phí đào tạo:** Tổng kinh phí dự chi giai đoạn 2021 - 2025: **61.390** triệu đồng, trong đó: Đào tạo nâng chuẩn theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP: 21.382 triệu đồng (tính chi 70%: 14.967 triệu đồng, trung ương hỗ trợ 30%: 6.415 triệu đồng); đào tạo sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP: 33.776 triệu đồng; đào tạo đại học văn bằng 2 cho giáo viên: 6.232 triệu đồng.

**1.2. Kinh phí bồi dưỡng** (bồi dưỡng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018): Tổng kinh phí thực hiện bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là **73.428** triệu đồng, trong đó: Đối với cấp Tiểu học: 21.899 triệu đồng; đối với cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông: 51.529 triệu đồng.

Nguồn kinh phí thực hiện gồm: Nguồn trung ương và các chương trình, dự án: 23.428 triệu đồng; Nguồn địa phương: 50.000 triệu đồng (*Trong đó nguồn*

*kinh phí tập trung tại tỉnh: 25.000 triệu đồng; các huyện, thành phố, đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: 25.000 triệu đồng).*

*(Có phân khai kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025 tại Phụ lục 2).*

**2. Kinh phí thuộc phạm vi thực hiện của Sở Giáo dục và Đào tạo** (tính trong kinh phí thực hiện chung của Đề án)

Tổng kinh phí đào tạo và bồi dưỡng: **70.021** triệu đồng, trong đó:

**2.1. Kinh phí đào tạo: 33.899** triệu đồng, gồm:

- Đào tạo nâng chuẩn (03 chỉ tiêu): 123 triệu đồng.
- Đào tạo sinh viên sư phạm theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng (185 chỉ tiêu): 33.776 triệu đồng (Sở Giáo dục và Đào tạo làm đầu mối chuyển kinh phí hợp đồng giao nhiệm vụ, đặt hàng cho các cơ sở đào tạo).

**2.2. Kinh phí bồi dưỡng** (thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018): **36.122** triệu đồng, gồm:

- Kinh phí bồi dưỡng cấp tiểu học: 15.820 triệu đồng (nguồn kinh phí tập trung tại tỉnh).
- Kinh phí bồi dưỡng cấp trung học: 20.302 triệu đồng (nguồn kinh phí tập trung tại tỉnh).

*(Có phân khai kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025 tại Phụ lục 3).*

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo**

#### **1.1. Phòng Tổ chức cán bộ**

Tham mưu Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án đúng tiến độ, hiệu quả.

- Tổng hợp danh sách cán bộ quản lý và giáo viên đi đào tạo nâng chuẩn, văn bằng 2 của các địa phương, đơn vị trực thuộc Sở để theo dõi. Tổng hợp, tham mưu thống nhất chỉ tiêu và địa chỉ đăng ký đào tạo sinh viên sư phạm của các địa phương theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, thực hiện quy trình, thủ tục giao nhiệm vụ, đặt hàng với các cơ sở đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn công tác bồi dưỡng thường xuyên hàng năm, trong đó có nội dung bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tham mưu công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án theo lộ trình; báo cáo sơ kết, tổng kết định kỳ.

#### **1.2. Phòng Giáo dục Mầm non - Tiểu học và Phòng Giáo dục Trung học**

- Tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 nội dung tập trung tại tỉnh và những nội dung bồi dưỡng thường xuyên khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ hướng dẫn các phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức bồi dưỡng đại trà cho cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; theo dõi, giám sát các cơ sở giáo dục về triển khai đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên theo lộ trình Đề án.

#### **1.3. Phòng Kế hoạch - Tài chính**

Chủ trì tham mưu về lập dự toán nguồn kinh phí ngân sách hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền để thực hiện Đề án.

#### **1.4. Phòng Quản lý chất lượng và Giáo dục chuyên nghiệp**

- Theo dõi việc thực hiện hợp đồng sau khi ký kết đối với các cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo sinh viên sư phạm; kết quả học tập hàng năm của sinh viên được hưởng chính sách hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt của tỉnh, những trường hợp phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ (nếu có) quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, báo cáo cấp có thẩm quyền để chỉ đạo.

- Phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ theo dõi tình hình tuyển dụng, bố trí việc làm đối với sinh viên sư phạm được đào tạo theo nhu cầu của các huyện.

#### **1.5. Văn phòng**

Phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ thanh quyết toán với các cơ sở đào tạo kinh phí hỗ trợ sinh viên sư phạm đào tạo theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng; thu hồi kinh phí hỗ trợ đối với sinh viên (nếu có) theo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP.

#### **1.6. Các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở**

- Thực hiện tốt việc bố trí, sử dụng viên chức theo vị trí việc làm, chuyên môn, năng lực, việc đánh giá phân loại chất lượng viên chức hàng năm, đánh giá giáo viên và cán bộ quản lý theo chuẩn, trên cơ sở đó có biện pháp bố trí đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng viên chức ở đơn vị hiệu quả.

- Tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo chế độ, chính sách cho cán bộ quản lý và giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng.

### **2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Ban hành văn bản chỉ đạo triển khai Đề án phù hợp với tình hình địa phương. Chủ trì phối hợp với các đơn vị đánh giá sơ kết, tổng kết định kỳ, kiểm tra giám sát việc triển khai Đề án trên phạm vi quản lý.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án tại địa phương, trong đó chú trọng đào tạo nâng chuẩn, đào tạo đại học văn bằng 2 cho giáo viên, đào tạo sinh viên sư phạm và bồi dưỡng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo bố trí giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch; có giải pháp điều động giáo viên, bố trí biên chế giáo viên hợp lý nhằm phát huy đội ngũ, giải quyết tình trạng thừa thiếu cục bộ tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

- Giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách cho giáo viên đi đào tạo nâng chuẩn, đào tạo văn bằng 2, sinh viên sư phạm đào tạo theo chỉ tiêu của các huyện, thành phố.

- Tổ chức tuyển dụng số sinh viên sư phạm hàng năm đối với số chỉ tiêu đăng ký đào tạo của địa phương theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, tuyển dụng từ nguồn sinh viên tự do (nếu còn nhu cầu) để bổ sung đội ngũ sau khi được cấp có thẩm quyền thống nhất.

- Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp tại địa phương: Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các đoàn viên, hội viên và Nhân dân về mục đích yêu cầu trong xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản

và toàn diện giáo dục và đào tạo; tăng cường công tác giám sát phản biện xã hội trong quá trình triển khai các nhiệm vụ của Đề án.

- *Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố:*

+ Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hàng năm tại địa phương.

+ Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý bố trí cán bộ quản lý và giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với lộ trình và tình hình đơn vị, không để thiếu giáo viên giảng dạy. Đối với đối tượng chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 nhưng không thuộc đối tượng thực hiện nâng trình độ chuẩn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí công tác theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 24/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (về quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập).

+ Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo danh sách cán bộ quản lý và giáo viên cử đi đào tạo nâng chuẩn, văn bằng 2, chỉ tiêu và địa chỉ đào tạo sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP hàng năm (định kỳ vào tháng 6).

+ Tổ chức bồi dưỡng đại trà cho cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 và các nội dung bồi dưỡng thường xuyên khác theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

### **3. Đề nghị Sở Nội vụ**

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất cấp có thẩm quyền phân bổ chỉ tiêu biên chế đảm bảo về số lượng giáo viên đứng lớp tương ứng với quy mô phát triển trường lớp trên địa bàn tỉnh; đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới theo lộ trình, đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, bố trí và sử dụng viên chức ngành giáo dục hàng năm.

### **4. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tổng hợp, cân đối và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí các nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh và các chương trình, dự án khác để triển khai đào tạo và bồi dưỡng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo lộ trình Đề án.

### **5. Đề nghị Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí Đề án hàng năm theo Kế hoạch này để thực hiện đào tạo nâng chuẩn, văn bằng 2 cho giáo viên, đào tạo sinh viên sư phạm theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, tổ chức bồi dưỡng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Bố kinh phí hỗ trợ sinh viên sư phạm theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng cho Sở Giáo dục và Đào tạo (làm đầu mối) để thực hiện hợp đồng đã ký

kết với các cơ sở đào tạo.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để phối hợp giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (báo cáo);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: Nội vụ, KH-ĐT, Tài chính (để phối hợp);
- UBND các huyện, thành phố (để phối hợp);
- GD và các PGD Sở GDĐT (chỉ đạo);
- Các đơn vị hành chính và trực thuộc Sở GDĐT (để thực hiện);
- Phòng GDĐT các huyện, thành phố (để thực hiện);
- Lưu VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Thị Trung**